

Số: 307 /TTr-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về dự án Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi)

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Nghị quyết số 106/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2021 và điều chỉnh chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2020, Chính phủ đã họp và thống nhất trình Quốc hội dự án Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi), sau đây gọi chung là dự án Luật như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM (SỬA ĐỔI)

1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 3 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nêu “*Phát triển cân bằng, đồng bộ thị trường tài chính. ...Phát triển thị trường bảo hiểm, thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán, tư vấn thuế, thẩm định giá...*”

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đã nêu nhiệm vụ “*Hoàn thiện các quy định pháp luật về lĩnh vực bảo hiểm. Khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế. Nâng cao năng lực quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm; thực hiện hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực bảo hiểm*”.

- Quyết định số 242/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025*” xác định “*sửa đổi Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng quản lý, giám sát trên cơ sở rủi ro; xây dựng các tiêu chí giám sát nhằm đẩy mạnh công tác hậu kiểm thông qua thanh tra, kiểm tra*”.

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới, xây dựng hệ sinh thái dịch vụ trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm,...

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 được Quốc hội khóa X kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2000 (đã được sửa đổi, bổ sung một

số điều vào năm 2010 và năm 2019). Các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm về cơ bản không làm thay đổi kết cấu, nội dung cơ bản của Luật Kinh doanh bảo hiểm mà chỉ sửa đổi, bổ sung một số điều để đáp ứng cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (Luật số 61/2010/QH12) và Hiệp định đối tác toàn diện tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Luật số 42/2019/QH14).

Đến nay, sau hơn 20 năm thi hành, các chính sách này đã phát huy tác dụng, là căn cứ, cơ sở pháp lý để xây dựng khung khổ pháp lý vững chắc, minh bạch cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm; tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp; đáp ứng nhu cầu tham gia bảo hiểm ngày càng đa dạng của các tổ chức, cá nhân; đảm bảo sự hài hòa giữa quản lý giám sát thận trọng và tạo sự chủ động trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Luật còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần được nghiên cứu, sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp hơn với thực tiễn.

Một là, cơ chế chính sách có những bất cập nhất định.

Một số quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm hiện hành không còn thống nhất, đồng bộ với quy định mới được sửa đổi, bổ sung tại Bộ Luật Dân sự năm 2015, dẫn đến thiếu những quy định mang tính đặc thù áp dụng cho lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia bảo hiểm. Luật Kinh doanh bảo hiểm hiện hành quy định nguyên tắc đối với phần lớn các chính sách trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, nên đôi khi thiếu căn cứ hoặc có những khó khăn nhất định khi thực tế phát sinh. Một số quy định chưa theo kịp với thông lệ quốc tế, các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, trong khi trên thị trường bảo hiểm đã có các doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu trên thế giới và khu vực.

Hai là, thị trường bảo hiểm cũng có những tồn tại.

Tiềm năng thị trường bảo hiểm còn rất lớn; nhu cầu bảo hiểm ngày càng cao, trong khi quy mô thị trường bảo hiểm còn khiêm tốn, với tỉ lệ doanh thu phí bảo hiểm/GDP còn thấp. Chất lượng sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm còn chưa cao. Thông tin và nguồn thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm, sản phẩm bảo hiểm còn chưa đa dạng, đầy đủ, toàn diện, nên có những tranh chấp phát sinh. Vẫn còn hiện tượng tranh giành khách hàng dưới nhiều hình thức. Có tình trạng phí bảo hiểm chưa tương xứng với rủi ro được bảo hiểm. Hoạt động của đại lý, môi giới bảo hiểm chưa chuyên nghiệp, vẫn còn tình trạng tư vấn bảo hiểm chưa giải thích đầy đủ thông tin về sản phẩm, tìm hiểu chính xác khả năng tham gia bảo hiểm của bên mua bảo hiểm, xúi giục hay ép buộc tham gia bảo hiểm. Một số doanh nghiệp bảo hiểm trong nước có năng lực cạnh tranh thấp do vốn còn nhỏ, quản trị doanh nghiệp yếu, khả năng kiểm soát rủi ro của một số doanh nghiệp bảo hiểm còn hạn chế; chất lượng cán bộ chưa theo kịp và chưa đáp ứng với sự phát triển của thị trường.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Quan điểm

- Thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn liền với đổi mới mô hình tăng trưởng, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia nhằm xây dựng và phát triển thị trường bảo hiểm phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng thông qua đổi mới cung cấp dịch vụ, phương thức kinh doanh và phương thức quản lý Nhà nước; công khai, minh bạch, tăng tính chủ động và chịu trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, đặc biệt coi trọng chất lượng và sự an toàn của thị trường; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế để hình thành một hệ thống thị trường bảo hiểm đồng bộ và thống nhất trong tổng thể thị trường tài chính của đất nước.

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, tính tương thích với cam kết quốc tế có liên quan; xác định rõ nội dung, nguyên tắc áp dụng Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) bảo đảm không chồng chéo, mâu thuẫn giữa Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) và các luật khác có liên quan.

2. Mục tiêu

- Hoàn thiện quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm; xử lý những mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập của Luật Kinh doanh bảo hiểm với các văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội ban hành, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm kết hợp với việc cải cách toàn diện công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, bảo đảm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước và phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh bảo hiểm; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, khách hàng, sự an toàn của cả hệ thống, tiết giảm chi phí xã hội.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện Nghị quyết số 106/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội về chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2021 và điều chỉnh chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2020, dự án Luật trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV (tháng 10/2021). Thực hiện Nghị quyết số 977/NQ-UBTVQH14 của về việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2021 và điều chỉnh chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2020, dự án Luật Kinh doanh bảo hiểm trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trong tháng 9/2021. Trong quá trình xây

dự án Luật (được triển khai từ năm 2018), Bộ Tài chính đã thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Tổng kết, đánh giá thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm, Lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật; Thành lập Ban soạn thảo, Tổ Biên tập xây dựng dự án Luật; Chuẩn bị các tài liệu trong hồ sơ dự án Luật; Tổ chức Hội thảo và lấy ý kiến góp ý của các bộ, ban, ngành, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam và ý kiến nhân dân đối với dự án Luật; Đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự án Luật. Tiến hành rà soát các nội dung của dự án Luật để đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự án Luật với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đảm bảo tính tương thích của nội dung dự án Luật với Điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Sau khi hoàn thiện, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ cho ý kiến về dự án Luật trong tháng 7/2021.

Tại phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 8/2021, các thành viên Chính phủ đã thảo luận và thống nhất với nội dung cơ bản của dự án Luật nhằm thể chế hóa đường lối chủ trương của Đảng về phát triển thị trường bảo hiểm; khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế; nâng cao năng lực quản lý giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm, đồng thời giao: “Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Thành viên Chính phủ, hoàn thiện các quy định; giao Bộ trưởng Bộ Tài chính thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình Quốc hội về dự án Luật này tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XV”.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Về bố cục

Dự thảo Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) về cơ bản giữ nguyên bố cục của Luật hiện hành, gồm 8 chương, 156 điều. So với Luật Kinh doanh bảo hiểm hiện hành, dự thảo sửa đổi 81 Điều, bổ sung 58 Điều, bãi bỏ 33 Điều và giữ nguyên 17 Điều, trong đó:

a) Nhóm các điều giữ nguyên (17 Điều), là những điều vẫn phù hợp với thực tế, như quy định về giám định tổn thất, tổn thất do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của tài sản, hình thức bồi thường, phương thức bồi thường, thời hạn cấp giấy phép, giấy phép văn phòng đại diện, năm tài chính, chế độ kế toán, thu, chi tài chính,...

b) Nhóm các điều sửa đổi (81 Điều), để phù hợp với thực tiễn, giải quyết những vướng mắc trong thời gian vừa qua, hoặc để phù hợp với hệ thống pháp luật có liên quan, tập trung chủ yếu tại Chương II - Hợp đồng bảo hiểm, và một số chương khác (Doanh nghiệp bảo hiểm, về chế độ tài chính, kế toán, về đại lý, môi giới bảo hiểm, về quản lý nhà nước).

c) Nhóm các điều bổ sung (58 Điều), bao gồm:

- Những vấn đề có vướng mắc trong thực tiễn nhưng chưa có căn cứ để giải quyết như các quy định về các nguyên tắc giao kết hợp đồng bảo hiểm, về bảo hiểm tạm thời, về người thụ hưởng, về phòng chống gian lận bảo hiểm, về giải quyết tranh chấp,...

- Những quy định chưa được thể hiện tại Luật hiện hành nhưng thực tế đã có hoặc thông lệ quốc tế đã có như quản trị rủi ro, ứng dụng công nghệ thông tin, các tình huống và biện pháp xử lý doanh nghiệp bảo hiểm gặp khó khăn về tài chính, vốn trên cơ sở rủi ro và các quy định đi kèm, cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước,...

- Những vấn đề đã được quy định tại các văn bản dưới luật và có tính ổn định, nay được bổ sung nội luật hóa, như điều kiện cấp phép thành lập và hoạt động, tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, điều kiện đại lý bảo hiểm,...

2. Nội dung cơ bản

Dự thảo Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) đã bám vào mục đích, quan điểm chỉ đạo và cụ thể hóa 07 nhóm chính sách đề nghị xây dựng dự án Luật đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 121/NQ-CP ngày 31/12/2019, cụ thể như sau:

Một là, nhóm chính sách về hoàn thiện các quy định về mô hình tổ chức, điều kiện thành lập, hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm (*nội dung bao gồm: Hoàn thiện quy định về điều kiện thành lập và hoạt động, tổ chức bộ máy của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm; mở rộng phạm vi, nội dung hoạt động của từng loại hình doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm; thống nhất các nguyên tắc đối với việc quản trị, điều hành doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm*): được cụ thể hóa tại quy định về cấp phép thành lập và hoạt động, đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm.

Hai là, nhóm chính sách về hoàn thiện các quy định về mô hình quản lý tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm (*nội dung bao gồm: Quy định đổi mới quản lý tài chính doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm bao gồm xác định, tính toán, lượng hóa tác động của từng loại rủi ro đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tự xác định vốn trên cơ sở rủi ro và doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải duy trì vốn thực có cao hơn so với vốn trên cơ sở rủi ro theo quy định của Bộ Tài chính; tính toán dự phòng nghiệp vụ, định giá tài sản, đầu tư và báo cáo tài chính có liên quan phù hợp với mô hình quản lý vốn; quản trị rủi ro, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị tài chính; nội dung thông tin công khai, hình thức công khai*): được cụ thể hóa tại quy định về Kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro; Tài chính, hạch toán kế toán; Công khai thông tin.

Ba là, nhóm chính sách về hoàn thiện hợp đồng bảo hiểm, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, minh bạch và an toàn cho các giao dịch bảo hiểm (*nội dung bao gồm: Các nguyên tắc hợp đồng bảo hiểm; Quy định về giao kết, thực hiện hợp đồng bảo hiểm; Quy định về các loại hợp đồng bảo hiểm; Quy định đặc thù đối với bảo hiểm con người, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm tài sản; quy định về quyền lợi có thể được bảo hiểm*): được cụ thể hóa tại quy định về hợp đồng bảo hiểm

Bốn là, nhóm chính sách về khuyến khích sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm chuẩn mực hóa các hoạt động và giao dịch bảo hiểm trên thị trường, nâng cao hiệu quả hoạt động bảo hiểm (*nội dung bao gồm: doanh nghiệp bảo hiểm được chủ động nghiên cứu, xây dựng, thiết kế sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm; khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin để hiện đại hóa hoạt động kinh doanh bảo hiểm, quản trị doanh nghiệp và phương thức cung cấp dịch vụ, sản phẩm; doanh nghiệp được chủ động lựa chọn các hình thức cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng*): được cụ thể hóa tại quy định về Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực bảo hiểm, Hoạt động nghiệp vụ.

Năm là, nhóm chính sách về bổ sung, hoàn thiện các quy định về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm (*nội dung bao gồm: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của thị trường bảo hiểm thông qua nghiên cứu và hướng tới việc áp dụng khung tiêu chuẩn năng lực phù hợp với thực tiễn và sự phát triển của thị trường; Giao cho Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện chức năng: (i) thẩm định phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm, phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ, (ii) ban hành quy định về khung tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, (iii) tổ chức thi, cấp, công nhận chứng chỉ hành nghề, (iv) đóng góp xây dựng cơ chế chính sách, phát triển thị trường*) được cụ thể hóa tại quy định về quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm.

Sáu là, nhóm chính sách về Hoàn thiện các quy định về bảo đảm an toàn, đề phòng hạn chế tổn thất, phòng ngừa gian lận bảo hiểm, nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp (*nội dung bao gồm: Quy định về đề phòng hạn chế tổn thất; phòng ngừa, hạn chế đối với các hành vi gian lận trong kinh doanh bảo hiểm; giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm*): được bổ sung mới toàn bộ tại quy định về Đề phòng hạn chế tổn thất, phòng chống gian lận bảo hiểm, giải quyết tranh chấp.

Bảy là, nhóm chính sách về hoàn thiện quy định về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho phát triển bảo hiểm (*nội dung bao gồm: Quy định về thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm và quá trình quản lý, giám sát; các biện pháp can thiệp sớm, kiểm soát của cơ quan quản lý trong trường hợp kết quả tính toán cho thấy DNBH có nguy cơ không đáp ứng yêu cầu về vốn trên cơ sở rủi ro; giao Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công việc liên quan đến thủ tục hành chính như: phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm, trích lập dự phòng,*

phê chuẩn, chấp thuận nội dung, phạm vi hoạt động; cơ sở pháp lý cho việc kết nối liên thông giữa bảo hiểm và các ngành, lĩnh vực khác)

Trên cơ sở mục tiêu, quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật, dự án Luật bao gồm các nội dung thể hiện chủ yếu như sau:

a) Những quy định chung

- Về phạm vi điều chỉnh: Được sửa đổi theo hướng bổ sung hoạt động quản lý nhà nước hoạt động kinh doanh bảo hiểm, dù luật hiện hành có điều chỉnh quy định này nhưng chưa nêu tại phạm vi điều chỉnh.

- Về đối tượng áp dụng: Đối tượng áp dụng của Luật bao gồm Tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn, thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô; Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô; Bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, người thụ hưởng; Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

- Về giải thích từ ngữ: Sửa đổi, chuẩn hóa 06 thuật ngữ, bổ sung 05 thuật ngữ để phù hợp với thực tiễn và pháp luật có liên quan.

- Về nguyên tắc cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo hiểm: Bổ sung nguyên tắc tái bảo hiểm, bảo hiểm hàng hải quốc tế, bảo hiểm hàng không quốc tế, môi giới tái bảo hiểm quốc tế thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và tập quán quốc tế; giao Chính phủ quy định việc sử dụng và cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới phù hợp với các cam kết quốc tế.

- Các loại hình bảo hiểm: Sửa đổi theo hướng phân loại thành 03 loại cơ bản theo thông lệ quốc tế là bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe.

- Về bảo hiểm bắt buộc: Sửa đổi theo hướng bãi bỏ: (i) bảo hiểm trách nhiệm dân sự của người vận chuyển hàng không đối với hành khách là loại hình bảo hiểm được thực hiện theo Luật Hàng không và thông lệ quốc tế; (ii) bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với hoạt động tư vấn pháp luật và bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có rủi ro không ảnh hưởng lớn đến lợi ích công cộng và an toàn xã hội, đây là trách nhiệm tổ chức cá nhân đối với hoạt động tư vấn các bên có thể tự thỏa thuận mức trách nhiệm tùy theo năng lực tài chính. Đồng thời giao Chính phủ quy định về điều kiện bảo hiểm, mức phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tại khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật.

b) Hợp đồng bảo hiểm

- Về các quy định chung: Sửa đổi, bổ sung về các vấn đề liên quan đến (i) nội dung, hình thức của hợp đồng bảo hiểm; (ii) các trường hợp đơn phương, hủy bỏ, chấm dứt hợp đồng, (iii) chuyển giao hợp đồng bảo hiểm...).

- Về hợp đồng bảo hiểm tài sản và trách nhiệm, bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm: Chuẩn hóa chế định về hợp đồng bảo hiểm, theo hướng (i) phân loại rõ ràng các loại hợp đồng bảo hiểm; (ii) làm rõ đối tượng được bảo hiểm, quyền lợi được bảo hiểm đối với từng loại hợp đồng bảo hiểm con người, bảo hiểm tài sản và thiệt hại, bảo hiểm trách nhiệm; (iii) minh bạch trong các thông tin cung cấp; công bằng về quyền và nghĩa vụ khác đối với cả doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm; (iv) trách nhiệm trong trường hợp tái bảo hiểm..; Thể hiện theo hướng tôn trọng quyền tự thỏa thuận giữa các bên trong giao kết hợp đồng bảo hiểm, cụ thể: (i) bổ sung các nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm, (ii) quyền thỏa thuận để xây dựng hợp đồng bảo hiểm kết hợp; (iii) bổ sung thời gian cân nhắc tham gia bảo hiểm nhân thọ,...

- Về đề phòng hạn chế tổn thất: Bổ sung quy định về Nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm khi xảy ra tổn thất, quy định về đề phòng, hạn chế tổn thất của doanh nghiệp bảo hiểm.

- Về phòng chống gian lận bảo hiểm: Bổ sung quy định doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm xây dựng quy trình khai thác, thẩm định, bồi thường để xác định, đánh giá đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết về người được bảo hiểm, đối tượng được bảo hiểm, người thụ hưởng bảo hiểm, hồ sơ, tài liệu có liên quan trước khi có quyết định bảo hiểm, chi trả tiền/bồi thường bảo hiểm, phòng chống gian lận bảo hiểm, rửa tiền, tài trợ khủng bố.

- Về giải quyết tranh chấp: Bổ sung quy định về hình thức giải quyết tranh chấp dưới hình thức thương lượng, hòa giải, trọng tài hoặc tòa án.

c) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm

- Về cấp giấy phép thành lập và hoạt động: Bổ sung theo hướng mở rộng phạm vi hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm sang một số sản phẩm bảo hiểm thuộc lĩnh vực bảo hiểm khác; sửa đổi, bổ sung điều kiện cấp phép thành lập và hoạt động nhằm thu hút thêm nhà đầu tư mới theo hướng: (i) cho phép các tập đoàn tài chính có hoạt động kinh doanh bảo hiểm được thành lập doanh nghiệp bảo hiểm tại Việt Nam, (ii) đơn giản điều kiện cho các doanh nghiệp bảo hiểm đã được cấp giấy phép tại Việt Nam muốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm mới, (iii) bỏ tài liệu về quy tắc, điều khoản, biểu phí tại hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động; (iv) bổ sung bước đăng kí doanh nghiệp, đăng kí kinh doanh theo quy định của Luật doanh nghiệp; (v) bỏ yêu cầu phải chấp thuận đối với đóng, mở, thay đổi địa điểm đặt chi nhánh, văn phòng đại diện và thay bằng hình thức thông báo Bộ Tài chính trước khi có thay đổi,.. nhằm cắt giảm thủ tục hành chính.

- Về tổ chức hoạt động: Bổ sung toàn bộ quy định tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, bao gồm các hiện diện thương mại (trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện,..), cơ cấu tổ chức quản lý của doanh nghiệp bảo hiểm, người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm; các nguyên tắc phân công, đảm nhiệm chức vụ nhằm tránh kiêm nhiệm nhiều, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên/Hội

đồng quản trị, Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của bên mua bảo hiểm.

- Về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro: Được bổ sung toàn bộ các quy định về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế, phù hợp với tính chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhằm bảo đảm tuân thủ pháp luật, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro, đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình, xác định, đánh giá, đo lường, giám sát, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro của doanh nghiệp bảo hiểm.

- Về hoạt động nghiệp vụ: Bổ sung toàn bộ các quy định về việc cho phép doanh nghiệp bảo hiểm chủ động trong việc thiết kế, xây dựng sản phẩm bảo hiểm; DNBH chỉ phải đăng kí với Bộ Tài chính phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới (trừ bảo hiểm bắt buộc) nhằm tạo chủ động trong hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp; bổ sung quy định điều kiện trong trường hợp thuê ngoài.

- Về chuyển giao hợp đồng bảo hiểm: Sửa đổi quy định về việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm theo hướng bổ sung trường hợp Bộ Tài chính chỉ định nếu doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm không đáp ứng yêu cầu về an toàn tài chính, bổ sung các điều kiện chuyển giao theo hướng nếu không đồng ý, bên mua bảo hiểm có quyền chấm dứt hợp đồng bảo hiểm và nhận lại giá trị hoàn lại/giá trị tài khoản của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm hưu trí hoặc phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tử kì/sinh kỳ thuộc bảo hiểm nhân thọ.

- Về các biện pháp can thiệp: Bổ sung quy định về an toàn tài chính, trong trường hợp tỷ lệ an toàn vốn ở mức phải áp dụng biện pháp can thiệp, biện pháp cải thiện sớm, biện pháp kiểm soát, quy định trách nhiệm của DNBH, DN tái bảo hiểm, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát,

- Về công khai thông tin: Bổ sung yêu cầu công khai thông tin định kỳ (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo khả năng thanh toán và quản trị rủi ro); bổ sung yêu cầu công khai thông tin thường xuyên (thông tin về hồ sơ doanh nghiệp, thông tin về hoạt động nghiệp vụ, thông tin về quản trị doanh nghiệp); Bổ sung yêu cầu công khai thông tin bất thường đồng thời giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm: Bổ sung nguyên tắc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; đối tượng và hình thức cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng; nguyên tắc cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng.

d) Bảo hiểm vi mô

- Bảo hiểm vi mô là loại hình bảo hiểm dành cho các cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp nhằm bảo vệ trước những rủi ro có thể xảy ra liên quan đến

tính mạng, sức khỏe và tài sản. Sản phẩm bảo hiểm vi mô có các đặc điểm cơ bản như thiết kế ngắn gọn, dễ hiểu, có thủ tục thẩm định đơn giản hoặc không cần thẩm định bảo hiểm; Quyền lợi của sản phẩm bảo hiểm vi mô chỉ bao gồm các quyền lợi nhằm đáp ứng nhu cầu bảo vệ cơ bản; Số tiền bảo hiểm trên từng hợp đồng bảo hiểm vi mô không vượt quá năm (05) lần thu nhập bình quân đầu người hàng năm của chuẩn cận nghèo ở khu vực thành thị theo quy định của Chính phủ;

- Các tổ chức được cung cấp sản phẩm bảo hiểm vi mô: Doanh nghiệp bảo hiểm được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam; tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô được cấp phép thành lập và hoạt động để cung cấp các sản phẩm bảo hiểm vi mô cho chính các thành viên của mình.

- Quy định về bảo hiểm vi mô cũng đã được rà soát đảm bảo đáp ứng các Hiệp định song phương và đa phương có cam kết về kinh doanh bảo hiểm.

d) Đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm

- Về đại lý bảo hiểm: Sửa đổi, bổ sung quy định về Điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm, Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, của đại lý bảo hiểm; Bổ sung quy định về nguyên tắc hoạt động của đại lý, những điều đại lý bảo hiểm không được làm, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm.

- Về doanh nghiệp môi giới bảo hiểm: Bổ sung khái niệm hoạt động môi giới bảo hiểm (môi giới bảo hiểm gốc, môi giới tái bảo hiểm), quyền của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, nguyên tắc hoạt động môi giới bảo hiểm (những điều không được làm).

e) Tài chính, hạch toán kế toán và báo cáo

- Về vốn: Sửa đổi theo hướng phân loại rõ ràng từng loại vốn của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm trong quá trình hoạt động kinh doanh, bổ sung khái niệm vốn thực có; bổ sung yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải luôn duy trì tỷ lệ an toàn vốn nhằm đảm bảo vốn tương ứng với quy mô và mức độ rủi ro của các nhóm rủi ro cơ bản, bao gồm: rủi ro từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, rủi ro từ hoạt động đầu tư, rủi ro từ hoạt động điều hành chung, rủi ro từ các đối tác khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

- Về dự phòng nghiệp vụ: Bổ sung các yêu cầu trích lập dự phòng nghiệp vụ, bao gồm tương ứng với phần trách nhiệm đã cam kết theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm; tách biệt giữa các hợp đồng bảo hiểm giao kết trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam và các hợp đồng bảo hiểm giao kết ngoài phạm vi lãnh thổ, kể cả trong cùng một nghiệp vụ, sản phẩm bảo hiểm; phải luôn có tài sản tương ứng với dự phòng nghiệp vụ đã trích lập; phải sử dụng chuyên gia tính toán đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Tài chính để tính toán, trích lập dự phòng nghiệp vụ; phải thường xuyên rà soát, đánh giá việc trích lập dự phòng nghiệp vụ;

vụ; kịp thời có các biện pháp nhằm đảm bảo trích lập đầy đủ dự phòng để chi trả cho các trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

- Về hoạt động đầu tư: Bãi bỏ quy định về danh mục đầu tư do áp dụng mô hình vốn tương ứng với quy mô và mức độ rủi ro; bổ sung quy định về các nguồn vốn đầu tư, nguyên tắc đầu tư và những điều không được làm như đầu tư vào kim loại quý, vào tài sản vô hình, vào chứng khoán phái sinh,.. nhằm đảm bảo an toàn, phù hợp với tính chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm; bổ sung quy định về đầu tư ra nước ngoài, định giá tài sản đầu tư.

- Về tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm: Bổ sung yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải tách, ghi nhận và theo dõi riêng đối với nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm thu được của bên mua bảo hiểm; doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hoạt động đầu tư, kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng; nguồn phí bảo hiểm thu được của bên mua bảo hiểm từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và tại nước ngoài; doanh thu, chi phí, dự phòng, các khoản chi phí tương ứng; phân chia thặng dư đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có chia lãi.

- Về kiểm toán độc lập: Được bổ sung nhằm nâng cao trách nhiệm của kiểm toán đối với an toàn tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm theo hướng quy định yêu cầu có ý kiến xác nhận của kiểm toán độc lập hàng năm đối với Báo cáo đánh giá khả năng thanh toán và quản trị rủi ro; bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm: Tuân thủ quy định của pháp luật, Sử dụng chuyên gia tính toán; chuyên gia về quản trị rủi ro và các chuyên gia khác tương ứng với nội dung kiểm toán; Giải trình, cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kiểm toán doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm trong trường hợp có yêu cầu của Bộ Tài chính; Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính trường hợp phát hiện có sai phạm trọng yếu do không tuân thủ pháp luật, có gian lận bảo hiểm hoặc có giao dịch bất thường ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn tài chính hoặc quyền lợi của người tham gia bảo hiểm; Bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật,..

- Về báo cáo tài chính, báo cáo nghiệp vụ, báo cáo bất thường: Được bổ sung quy định báo cáo khi xảy ra những diễn biến bất thường có nguy cơ mất khả năng thanh toán, uy tín doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; khi không đáp ứng yêu cầu về tài chính theo quy định nhằm kiểm soát, can thiệp sớm từ phía Bộ Tài chính.

- Về khả năng thanh toán: Bãi bỏ quy định về biên khả năng thanh toán lớn hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu theo mô hình Biên khả năng thanh toán 1, thay thế bằng quy định tỷ lệ an toàn vốn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính phù hợp với mô hình vốn tương ứng quy mô và mức độ rủi ro.

g) Quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm

- Về cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm: Sửa đổi theo hướng gộp quy định về nội dung quản lý nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước;

bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính trong quản lý, giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

- Về cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước: Bộ sung quy định Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan quản lý bảo hiểm nước ngoài trong việc phối hợp quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra đối với các chi nhánh của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam; thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin quản lý, giám sát cùng với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

h) Điều khoản thi hành

- Về chuyển tiếp: Để tạo điều kiện cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hoàn thiện hệ thống, đào tạo cán bộ, dự thảo quy định theo hướng:

(i) Sau 5 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải áp dụng các quy định về vốn, khả năng thanh toán.

(ii) Các hợp đồng bảo hiểm đã giao kết trước ngày Luật này có hiệu lực và còn thời hạn hợp đồng thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng để phù hợp với luật này và để áp dụng quy định của Luật này.

(iii) Từ khi Luật này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm dừng trích nộp Quỹ Bảo vệ người được bảo hiểm, số dư tồn Quỹ Bảo vệ người được bảo hiểm đến thời điểm luật này có hiệu lực (khoảng 900 tỷ đồng) được sử dụng nhằm bảo vệ quyền lợi của người được bảo hiểm trong trường hợp doanh nghiệp phá sản hoặc mất khả năng thanh toán; Bộ Tài chính quản lý và sử dụng số dư Quỹ Bảo vệ người được bảo hiểm đảm bảo an toàn, đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

(iv) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(v) Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm đã được cấp giấy phép thành lập và hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh theo quy định tại Điều 73.

- Về hiệu lực thi hành: Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023.

Về thời điểm có hiệu lực của Luật, do dự thảo Luật có 18 nội dung giao Chính phủ và 14 nội dung giao Bộ Tài chính hướng dẫn, trong đó có nhiều nội dung mới, lần đầu quy định ở Việt Nam (như mô hình vốn trên cơ sở rủi ro, quản trị rủi ro, cung cấp dịch vụ bảo hiểm trên môi trường mạng,..) nên cần có thời gian và chất lượng xây dựng văn bản quy định chi tiết. Ngoài ra, theo Nghị

quyết số 106/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội, dự thảo Luật kinh doanh bảo hiểm dự kiến sẽ được Quốc hội thông qua vào tháng 5/2022 tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội XV, nếu Luật có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 thì cơ quan chủ trì soạn thảo và các cơ quan có liên quan chỉ có 6 tháng để thực hiện quy trình soạn thảo các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

3. Ngày 13 tháng 8 năm 2021, Chủ tịch Quốc hội đã chủ trì cuộc làm việc với Thường trực một số Ủy ban của Quốc hội về việc chuẩn bị 07 dự án luật trình Quốc hội khóa XV tại kỳ họp thứ 2, trên cơ sở đó, Văn phòng Quốc hội đã có thông báo số 1861/TB-VPQH ngày 17 tháng 8 năm 2021 nêu 9 vấn đề dự án Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) cần lưu ý. Thực hiện thông báo trên, Bộ Tài chính đã rà soát, báo cáo trực tiếp Ủy ban kinh tế tại cuộc họp ngày 25 tháng 8 tháng 2021 (Báo cáo giải trình kèm theo).

Trên đây là Tờ trình Dự án Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi), Chính phủ kính trình Quốc hội.

Chính phủ trân trọng gửi kèm Tờ trình Quốc hội: (1) Dự thảo Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi); (2) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp về Dự án Luật; (3) Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (4) Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Luật Kinh doanh bảo hiểm; (5) Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề nghị xây dựng Dự án Luật; (6) Báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; (7) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, ngành, doanh nghiệp và tổ chức có liên quan; (8) Bản chụp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, doanh nghiệp và tổ chức có liên quan; (9) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Dự án Luật; (10) Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật; (11) Tài liệu khác: Tóm tắt Tờ trình của Chính phủ trình Quốc hội về Dự án Luật; Báo cáo giải trình ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Quốc hội theo thông báo số 1861/TB-VPQH ngày 17 tháng 8 năm 2021; Bản thuyết minh chi tiết; Bản đánh giá thủ tục hành chính; Tổng hợp kinh nghiệm quốc tế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Ủy ban Văn hóa, giáo dục của Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ: Tư pháp, Công an, Tài chính;
- Văn phòng Chính phủ: BTCN, PCN Cao Huy;
- Lưu: VT, PL (02).

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Hồ Đức Phúc